

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỌ XUÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 158/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 6 - 2023

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện

2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:* Ông Đỗ Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 06 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2023 về việc “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1969, địa chỉ: Khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Việt T, sinh năm 1968, địa chỉ: Khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị L và anh T tự nguyện lấy nhau, có tổ chức cưới theo phong tục tập quán địa phương vào ngày 28/3/1988, nhưng anh chị không làm đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc thời gian được 30 năm, thì không còn hạnh phúc mà phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình, giữa

vợ chồng không có sự chia sẻ với nhau, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình. Từ năm 2021 vợ chồng đã sống ly thân, không còn qua lại quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tấn N, sinh ngày 23/10/1988 và Nguyễn Viết V, sinh ngày 16/11/1999. Quan điểm của chị L là các con đã trưởng thành, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Chị Lê k yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Viết T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Lê l nhau là do tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, nhưng vợ chồng không đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi lấy nhau, vợ chồng chung sống bình thường, đến thời gian sau này thì vợ chồng có những suy nghĩ không hợp nhau, không thống nhất được trong cuộc sống gia đình, nên từ nhiều năm nay anh chị đã sống ly thân. Nay chị L yêu cầu ly hôn vậy anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh T xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tấn N, sinh ngày 23/10/1988 và Nguyễn Viết V, sinh ngày 16/11/1999. Quan điểm của anh T là các con đều đã trưởng thành, nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản xác minh lập ngày 08/6/2023, đại diện Ủy ban nhân thị trấn T cho biết: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Viết T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tấn N, sinh ngày 23/10/1988 và Nguyễn Viết V, sinh ngày 16/11/1999. Về mâu thuẫn giữa vợ chồng địa phương không nắm bắt được do gia đình không báo cáo và không đề nghị hòa giải cơ sở.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b, c khoản 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000, tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Viết T là vợ chồng.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Nguyễn Thị Lê p chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Lê khởi kiện đề nghị giải quyết xin được ly hôn với anh Nguyễn Việt T, cư trú tại: Khu B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Nguyễn Việt T vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Việt T đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988 trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục, nhưng anh chị không làm đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, từ năm 2021 tình cảm giữa anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng trong sinh hoạt gia đình; hiện nay anh chị đã sống ly thân, không còn qua lại quan tâm đến nhau. Nay chị L đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn, anh T cũng có ý kiến đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị L và anh T chung sống với nhau như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định, là vi phạm quy định về “đăng ký kết hôn” tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, căn cứ vào Điều 9, 14, 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Việt T.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Việt T đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Tấn N, sinh ngày 23/10/1988 và Nguyễn Việt V, sinh ngày 16/11/1999; hiện nay các con đã trưởng thành, nên anh chị đều có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[4] Về phần tài sản và công nợ: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Việt T đều có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Lê phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân

và gia đình,

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

X:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Viết T.

2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Viết T có 02 (hai) con chung là Nguyễn Tấn N, sinh ngày 23/10/1988 và Nguyễn Viết V, sinh ngày 16/11/1999. Hiện tại các con chung đều đã thành niên (trên 18 tuổi) và anh chị có ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

3. *Về tài sản và công nợ*: Không xem xét.

4. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0014687 ngày 18/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thọ Xuân. Như vậy, chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Thọ Xuân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Minh Tiến